

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 29/12/2023 - 5/1/2024

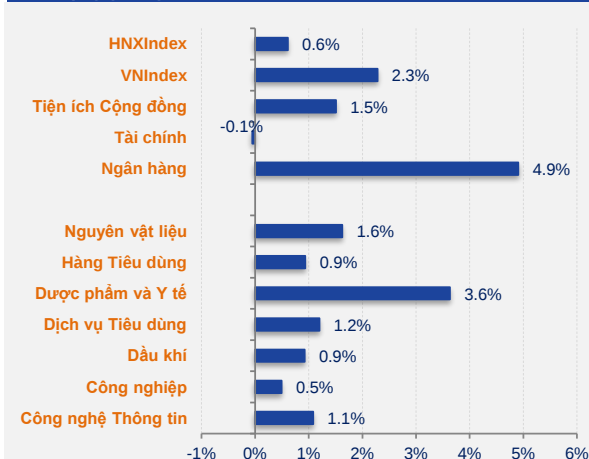
THỊ TRƯỜNG TUẦN QUÁ

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,154.68	↑ 2.3%	232.76	↑ 0.6%
KLGD (trCP)	3,982.51	↑ 27.0%	368.74	↑ 10.0%
GTGD (tỷ VND)	89,034.58	↑ 15.8%	6,999.65	↑ 7.7%
Tổng cung (trCP)	9,164.74	↑ 31.6%	725.40	↑ 8.4%
Tổng cầu (trCP)	8,775.83	↑ 33.2%	586.14	↑ 9.7%

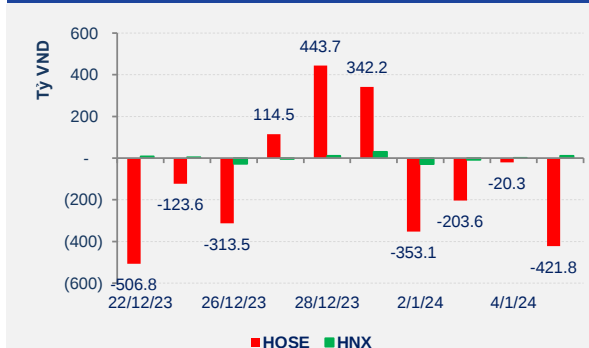
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	168.45	↑ 11.3%	6.20	↑ 125.2%
KL bán (trCP)	198.41	↑ 17.6%	5.81	↑ 48.4%
GT mua (tỷ VND)	5,091.35	↑ 2.7%	153.28	↑ 89.2%
GT bán (tỷ VND)	5,747.95	↑ 7.6%	147.40	↑ 67.7%

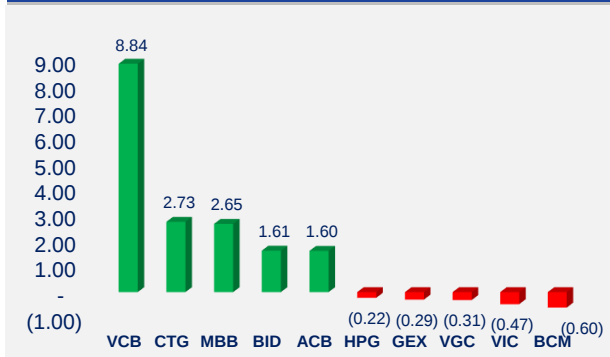
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường, VN-INDEX đã kết thúc tuần giao dịch đầu tiên của năm tài khóa 2024 rất tích cực khi lần lượt vượt lên các đường giá trung bình MA200 phiên trên đồ thị ngày và tuần tương ứng các vùng kháng cự quanh 1.130 điểm và 1.150 điểm. Kết thúc tuần VN-INDEX tăng 2,19% so với tuần cuối năm 2023 lên mức 1.154,68 điểm với điểm nhấn là phiên giao dịch có thanh khoản đột biến trên 01 tỷ USD. HNX-INDEX cũng tăng 0,74% với thanh khoản cải thiện lên mức 232,76 điểm.

Trong tuần giao dịch thanh khoản trên HOSE đạt 89.027,88 tỷ đồng, tăng 15,8% so với tuần trước trong khi có 04 phiên giao dịch với thanh khoản trung bình 22.256 tỷ đồng/phiên, trong đó có phiên giao dịch ngày 04/01/2024 có khối lượng giao dịch đột biến, khối lượng VN30 tăng 135,22% so với phiên trước đó. Thể hiện tâm lý thị trường cải thiện, dòng tiền ngắn hạn gia tăng tốt và tích cực trở lại với nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Nhà đầu tư nước ngoài sau 02 phiên mua ròng cuối năm 2023 tiếp tục bán ròng với giá trị 654,08 tỷ đồng trong tuần đầu 2024, bán ròng trở lại nhóm thép, ngân hàng, dịch vụ tài chính; mua ròng trên HNX với giá trị 5,88 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận nhiều thông tin trong tuần như: Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global đạt 48,9 điểm trong tháng 12/2023. Cho thấy các điều kiện kinh doanh trong ngành suy giảm tháng thứ tư liên tiếp; Phó Thống đốc ngân hàng Đào Minh Tú cho biết năm 2023 tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 13,5%. Ngân hàng Nhà nước định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2024 khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế; Biên bản cuộc họp tháng 12/2023 được công bố ngày 03/01/2024, các quan chức Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã kết luận rằng việc cắt giảm lãi suất có thể xảy ra vào năm 2024, mặc dù không cung cấp nhiều thông tin về thời điểm điều đó có thể xảy ra. FED dự kiến sẽ cắt giảm lãi suất 75 điểm cơ bản vào cuối năm 2024.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, ngân hàng với tâm lý tích cực với thông tin tăng trưởng tín dụng gần đạt chỉ tiêu năm 2023 và mục tiêu tăng trưởng tín dụng 15% trong năm 2024 với chỉ tiêu được ngân hàng nhà nước giao ngay từ đầu năm đã có diễn biến tích cực vượt trội, đa số tăng mã tốt thanh khoản đột biến mạnh như MBB (+9,92%), VCB (+7,35%), OCB (+7,15%), CTG (+7,01%), SHB (+6,94%).... Trong khi nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán lại có diễn biến phân hóa hơn với SSI (+4,12%), HCM (+3,55%)... tăng giá tốt với các thông tin tăng vốn rồi đa số lại chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản trên mức trung bình như TFS (-3,25%), VFS (-3,03%), VIX (-2,05%)....

Các cổ phiếu nhóm cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến phân hóa mạnh nổi bật với NTL (+8,61%), NDN (+4,12%), NHA (+3,81%).. thì đa số biến động điều chỉnh nhẹ, thanh khoản ở mức trung bình như HDG (-2,54%), SCR (-1,62%), NBB (-1,62%), NVL (-1,17%).... Các nhóm ngành khác cũng có diễn biến tương tự phân hóa mạnh, khối lượng giao dịch ở mức trung bình.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2401 kết thúc tuần tăng 2,77%, chênh lệch dương gia tăng lên 4,86 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm tăng lên mức trung bình, cho thấy các vị thế mua gia tăng tốt. Xu hướng ngắn hạn VN30F2401 vẫn tích cực nhưng đang gặp vùng kháng cự mạnh 1.160 - 1.169 điểm vùng giá cao nhất tháng 10.2023. Các kỳ hạn VN30F2402, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ 1,86 điểm đến 3,16 điểm, thể hiện các trader vẫn rất lạc quan về xu hướng tăng của VN30, ưu tiên vị thế mua ngắn hạn. Tuy nhiên cần lưu ý vị thế ngắn hạn của VN30 đang đi vào quá mua ngắn hạn trong phiên đến và có thể rung lắc mạnh hay hedge mạnh ở thị trường phái sinh.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 29/12/2023 - 5/1/2024

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Đà tăng tích cực của VnIndex tiếp tục được duy trì tuy nhiên động lực tăng không mạnh mẽ khi VnIndex gặp ngưỡng cản ngắn hạn 1.150. Diễn biến của thị trường tích cực nhưng có thể VnIndex sẽ cần thêm thời gian tích lũy thêm trước khi vượt 1.150, xu hướng thị trường vẫn tích cực như chúng tôi kỳ vọng. Chốt phiên thị trường tăng +3,96 điểm (+0,34%) và đóng cửa ở 1.154,68 điểm. Trong ngắn hạn VnIndex đang ở ngay ngưỡng cản 1.150 và các phiên tới có thể có rung lắc, về trung hạn VnIndex sẽ cần tiến tới khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới và chung tôi kỳ vọng thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.150-1.250.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường vận động tích cực và đã vận động quanh ngưỡng cản 1.150 như chúng tôi thường xuyên đề cập, khi VnIndex tiệm cận ngưỡng cản này rất có thể thị trường sẽ có rung lắc điều chỉnh, nhưng với động lực vận động trên nền tảng tích lũy ngắn hạn tốt chúng tôi kỳ vọng VnIndex sẽ sớm vượt qua ngưỡng cản này để tiến vào khu vực kỳ vọng tích lũy trung hạn.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ giao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Với những vận động của VnIndex trong vài tuần qua đang dần hình thành 1 kênh tích lũy mới rõ nét dần trong khu vực 1.100-1.150 và phiên hôm nay VnIndex đã thoát khỏi kênh tích lũy này để tiếp tục vượt lên. Với trạng thái tích cực của thị trường chúng tôi còn kỳ vọng VnIndex có thể vượt qua cản ngắn hạn 1.150 để hình thành vùng tích lũy cao trong biên độ 1.150-1.250.

Tình hình vĩ mô trong nước mặc dù ổn định với thống kê tăng trưởng GDP các quý đang tăng dần nhưng tốc độ tăng trưởng không đạt kỳ vọng, tăng trưởng tín dụng yếu cho thấy nền kinh tế đang có khả năng hấp thụ vốn thấp, những khó khăn đối với thị trường BDS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn chưa có bước chuyển biến căn cơ. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp đặc biệt là khu vực EU có nhiều nền kinh tế bước vào suy thoái như Đức, Hà Lan... Điểm tích cực là tình hình lạm phát đã bình ổn và FED đã phát tín hiệu dừng tăng lãi suất đồng thời để ngỏ khả năng khởi động chu kỳ giảm lãi trong năm 2024. Với tình trạng vĩ mô tốt xấu đan xen, việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Thị trường đang trong nhịp tăng ngắn hạn và thoát khỏi kênh tích lũy để tiệm cận ngưỡng kháng cự 1.150, trong ngắn hạn VnIndex có thể có rung lắc quanh ngưỡng cản này. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn cần thận trọng khi VnIndex tiệm cận ngưỡng 1.150 bởi thị trường rất dễ điều chỉnh và rung lắc quanh ngưỡng này. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



WEEKLY WRAP

Tuần GD:

29/12/2023

-

5/1/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PET	27.80	24.5-25.5	31-32	23	37.8	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
DPM	33.85	31-33	38-39	29	8.4	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
VSC	31.70	27-28.6	34-35	25	31.4	9.8%	-59.6%	Theo dõi giải ngân
DRC	27.20	25-26.3	29.5-30.5	23	13.8	-17.0%	-1.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.40	22.3	28-28.5	25	13.9%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	25.80	18.6	28-29	24	38.7%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	26.50	24.45	30-31	26	8.4%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	49.75	45.1	52-53	48	10.3%	Nắm giữ
19/12/2023	KBC	31.95	30.2	34-35	30.5	5.8%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	27.80	27.55	30-31	26.5	0.9%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	20.00	18.09	23-24	18	10.6%	Nắm giữ
4/1/2024	VSC	31.70	29.55	34-35	28.5	7.3%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**NHNN sửa đổi quy định quản lý vàng miếng**

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vừa ban hành Quyết định 02 sửa đổi, bổ sung Quyết định 1623/QĐ-NHNN ngày 23/8/2012 về việc tổ chức và quản lý sản xuất vàng miếng của NHNN. Theo đó, Quyết định 02 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến thành phần tham gia Tổ giám sát gia công vàng miếng và bổ sung trách nhiệm của một số đơn vị thuộc NHNN trong việc tổ chức và quản lý sản xuất vàng miếng. Theo đó, Thống đốc NHNN ủy quyền cho Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ ký Quyết định thành lập Tổ giám sát việc gia công vàng miếng từ vàng nguyên liệu. Trách nhiệm của Chi cục Quản trị tại TP.HCM và Chi cục Phát hành Kho quỹ gửi danh sách cán bộ tham gia Tổ giám sát gia công vàng miếng từ vàng nguyên liệu của NHNN cho Vụ Kiểm toán nội bộ.

Thủ tướng yêu cầu trình ban hành Luật Đất đai sửa đổi và Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi

Trước đó tại kỳ họp cuối năm 2023, hai luật này đều được Quốc hội thống nhất điều chỉnh thời gian thông qua vào kỳ họp sớm nhất. Ngày 5/1, Chính phủ tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết công tác năm 2023, triển khai nhiệm vụ 2024. Tại hội nghị, Thủ tướng yêu cầu nhiều nhiệm vụ cho năm 2024, trong đó yêu cầu trình ban hành các Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi). Về Luật Đất đai sửa đổi, tại kỳ họp Quốc hội hồi cuối năm 2023, Quốc hội thống nhất điều chỉnh thời gian thông qua dự án Luật Đất đai sửa đổi từ kỳ họp 6 sang kỳ họp gần nhất.

Tăng trưởng GDP Việt Nam thuộc nhóm cao thế giới, quy mô nền kinh tế khoảng 430 tỷ USD

Ngày 5/1, Chính phủ tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2023 và triển khai nhiệm vụ năm 2024 của Chính phủ và chính quyền địa phương. Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đã trình bày báo cáo về công tác chỉ đạo, điều hành và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2024. Theo đó, năm 2023, tăng trưởng GDP Việt Nam đạt 5,05%, thuộc nhóm tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới, nâng quy mô nền kinh tế lên khoảng 430 tỷ USD.

Học viên sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng mới từ 1/2

Các trung tâm đào tạo, sát hạch lái xe đang điều chỉnh tình huống trên phần mềm mô phỏng, dự kiến sử dụng sát hạch giấy phép lái xe từ ngày 1/2. Sáng 5/1, Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức tập huấn, hướng dẫn các Sở Giao thông Vận tải, cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch cập nhật phần mềm mô phỏng tình huống giao thông phục vụ đào tạo, sát hạch lái xe. Phần mềm mới này được Cục nghiên cứu điều chỉnh, nâng cấp sau 5 tháng. Đại diện Cục Đường bộ Việt Nam cho biết nội dung phần mềm mô phỏng đã được điều chỉnh phù hợp thực tế sau khi tiếp thu ý kiến của các Sở Giao thông Vận tải. Từ hôm nay, học viên đã học phần mềm cũ sẽ được luyện trên phần mềm mới.

TIN DOANH NGHIỆP
GVR ước lãi trước thuế 2023 giảm 30%

Tại Hội nghị Tổng kết công tác Đảng và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (HOSE: GVR) đã công bố kết quả ước thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 cũng như kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty. Cụ thể, tại Hội nghị ngày 26/12/2023, lãnh đạo GVR cho biết sản lượng cao su khai thác năm 2023 của Công ty ước đạt 445,000 tấn (vượt gần 5% kế hoạch), tăng 3.5% so với kết quả năm trước; tiêu thụ 520,290 tấn cao su các loại (vượt 2.4% kế hoạch và tăng gần 4%).

Chứng khoán Tiên phong sẽ tăng vốn thêm 1,000 tỷ đồng

CTCP Chứng khoán Tiên Phong – TPS (HOSE: ORS) vừa thông báo chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 3,000 tỷ đồng. Theo đó, TPS dự kiến chào bán 100 triệu cổ phiếu với giá chào bán 10,000 đồng/cp nhằm huy động thêm 1,000 tỷ đồng. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 05/02/2024 đến ngày 11/03/2024. Nếu tăng vốn thành công, vốn điều lệ TPS sẽ nâng từ 2,000 tỷ đồng lên 3,000 tỷ đồng. Năm 2023, TPS đặt kế hoạch doanh thu 2,831 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế (LNTT) 230 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 184 tỷ đồng, tăng trưởng 3536% so với mức đã thực hiện năm 2022.

Cổ đông CTR sắp nhận gần 220 tỷ đồng cổ tức còn lại 2022

Tổng CTCP Công trình Viettel (HOSE: CTR) thông báo chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức còn lại năm 2022 bằng tiền. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 18/01/2024. Tỷ lệ thực hiện là 19.19%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cp được nhận 1,919 đồng. Với hơn 114.3 triệu cp đang lưu hành, ước tính CTR cần chi gần 220 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức này. Ngày chi trả dự kiến 06/02/2024 (tức 27 Tết). Trước đó, vào cuối tháng 6/2023, CTR đã trả cổ tức đợt 1/2022 hơn 114 tỷ đồng, tỷ lệ 10%, cho các cổ đông. Như vậy, sau hai đợt trả cổ tức năm 2022, ước tính CTR đã chi gần 334 tỷ đồng, với tổng tỷ lệ 29.19%.

Dragon Capital mua vào hơn 1 triệu cổ phiếu Nhà Khang Điền (KDH)

Vừa bán ra 200.000 cổ phiếu, nhóm quỹ liên quan Dragon Capital đã quay lại mua vào cổ phiếu CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (mã chứng khoán KDH - sàn HOSE). Ngày 29/12/2023, nhóm quỹ liên quan Dragon Capital vừa mua thêm tổng cộng 1.059.448 cổ phiếu KDH để nâng sở hữu từ 10,94%, lên 11,08% vốn điều lệ. Trong đó, quỹ Venner Group Limited mua 436.900 cổ phiếu; quỹ CTBC Vietnam Equity Fund mua 364.948 cổ phiếu; và quỹ Hanoi Investments Holdings Limited mua vào 257.600 cổ phiếu KDH.



HOSE

Top 5 CP NGĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VPB	8,465,900	FUESSVFL	(21,233,500)
2	VCB	4,095,883	SHB	(10,374,744)
3	ASM	3,662,190	FUEVFNVD	(5,956,982)
4	OCB	3,415,950	VHM	(5,201,396)
5	MSB	3,004,100	VRE	(3,931,745)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	2,016,120	PVS	(1,543,207)
2	IDC	1,186,570	BVS	(634,900)
3	VGS	96,880	TNG	(424,073)
4	SD5	68,500	HUT	(300,900)
5	DDG	52,893	TIG	(246,400)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	10.75	11.45	↑ 6.51%	167,650,442
HPG	27.75	27.75	⇒ 0.00%	135,544,863
VIX	17.10	16.75	↓ -2.05%	129,296,945
VND	22.00	22.30	↑ 1.36%	124,738,054
GEX	23.35	22.25	↓ -4.71%	115,029,199

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.80	18.70	↓ -0.53%	83,714,572
CEO	22.80	22.80	⇒ 0.00%	43,078,796
HUT	19.50	20.30	↑ 4.10%	37,697,710
MBS	22.80	22.70	↓ -0.44%	17,769,519
PVS	38.70	38.30	↓ -1.03%	14,747,041

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	33.70	46.50	12.8	↑ 37.98%
HAS	6.10	7.48	1.4	↑ 22.62%
HNG	4.28	5.16	0.9	↑ 20.56%
MDG	12.45	15.00	2.6	↑ 20.48%
VAF	12.15	14.50	2.4	↑ 19.34%

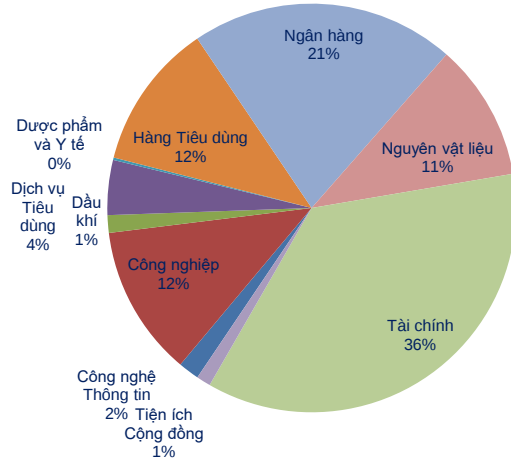
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BED	12.80	17.20	4.4	↑ 34.38%
PRC	20.50	26.70	6.2	↑ 30.24%
TKG	7.70	10.00	2.3	↑ 29.87%
MCO	6.90	8.40	1.5	↑ 21.74%
NBP	12.80	15.50	2.7	↑ 21.09%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HCM	33.40	24.70	-8.7	↓ -26.05%
FIR	20.00	16.05	-4.0	↓ -19.75%
VHC	74.20	63.70	-10.5	↓ -14.15%
HSL	10.15	9.02	-1.1	↓ -11.13%
TNH	21.45	19.40	-2.1	↓ -9.56%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NAP	13.30	10.10	-3.2	↓ -24.06%
HGM	43.00	36.00	-7.0	↓ -16.28%
CMC	6.50	5.50	-1.0	↓ -15.38%
NHC	33.00	29.60	-3.4	↓ -10.30%
NFC	19.00	17.10	-1.9	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH
Giá trị giao dịch tuần theo Ngành

Chuỗi PE ngành và thị trường

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	167,650,442	15.9%	2,036	5.6	0.8
HPG	135,544,863	1.9%	322	86.3	1.6
VIX	129,296,945	8.2%	1,005	16.7	1.3
VND	124,738,054	7.8%	957	23.3	1.7
GEX	115,029,199	2.0%	511	43.5	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	83,714,572	5.4%	643	29.1	1.5
CEO	43,078,796	6.7%	955	23.9	1.8
HUT	37,697,710	0.8%	122	166.7	1.6
MBS	17,769,519	10.4%	1,104	20.6	2.0
PVS	14,747,041	6.7%	1,846	20.8	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
COM	↑ 38.0%	2.9%	880	52.9	1.6
HAS	↑ 22.6%	-0.1%	-20	-	0.4
HNG	↑ 20.6%	-111.2%	-2,922	-	2.0
MDG	↑ 20.5%	8.2%	1,338	11.2	0.9
VAF	↑ 19.3%	8.4%	1,061	13.7	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BED	↑ 34.4%	18.4%	2,430	7.1	1.2
PRC	↑ 30.2%	111.7%	41,994	0.6	0.9
TKG	↑ 29.9%	2.0%	205	48.7	1.0
MCO	↑ 21.7%	0.4%	52	162.6	0.7
NBP	↑ 21.1%	7.1%	1,474	10.5	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	8,465,900	9.7%	1,476	13.1	1.1
VCB	4,095,883	22.6%	6,013	14.3	3.0
ASM	3,662,190	3.0%	709	14.9	0.5
OCB	3,415,950	16.9%	2,201	6.4	1.0
MSB	3,004,100	17.2%	2,471	5.4	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	2,016,120	5.4%	643	29.1	1.5
IDC	1,186,570	17.0%	3,177	16.4	3.1
VGS	96,880	5.3%	939	24.5	1.3
SD5	68,500	3.4%	619	12.1	0.4
DDG	52,893	-27.9%	-3,189	-	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	480,103	22.6%	6,013	14.3	3.0
BID	248,824	17.6%	3,450	12.7	2.1
VHM	189,197	25.0%	9,468	4.6	1.0
GAS	176,160	19.0%	5,283	14.5	2.8
VIC	168,815	2.7%	977	45.2	1.1

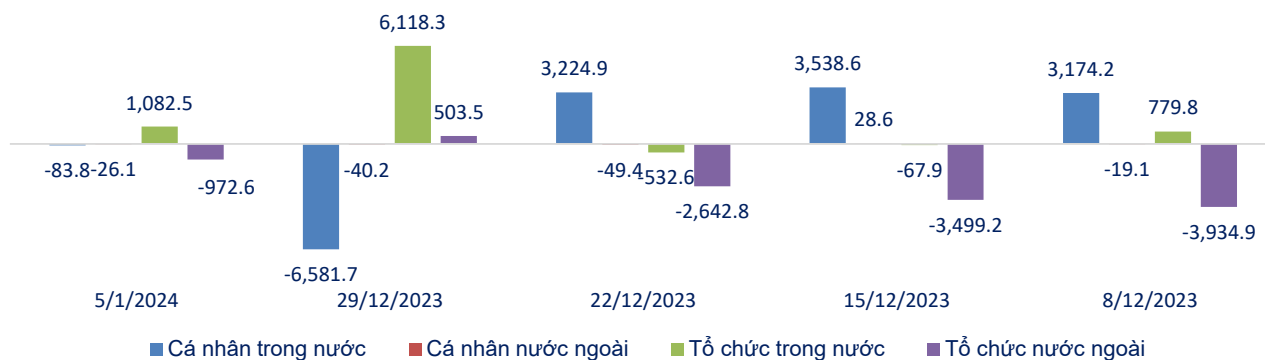
Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,306	6.7%	1,846	20.8	1.4
HUT	18,118	0.8%	122	166.7	1.6
IDC	17,226	17.0%	3,177	16.4	3.1
SHS	15,206	5.4%	643	29.1	1.5
THD	13,706	2.9%	460	77.4	2.2



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	233.05	15.9%	2,036	5.6	0.8
KDC	191.64	9.2%	2,662	23.7	2.0
VHM	160.80	25.0%	9,468	4.6	1.0
EVF	141.41	9.0%	957	17.9	1.4
HCM	104.45	7.8%	1,176	21.0	1.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	-258.49	22.6%	6,013	14.3	3.0
HDB	-218.12	20.7%	2,926	7.0	1.4
HAH	-151.17	16.3%	4,525	8.5	1.3
CTG	-135.11	15.7%	3,377	8.5	1.3
HPG	-105.74	1.9%	322	86.3	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
OCB	12.79	16.9%	2,201	6.4	1.0
MSB	8.34	17.2%	2,471	5.4	0.9
HDB	6.30	20.7%	2,926	7.0	1.4
VPB	5.53	9.7%	1,476	13.1	1.1
TPB	5.42	17.0%	2,483	7.2	1.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDC	-24.05	13.6%	1,895	17.2	2.3
BID	-7.88	17.6%	3,450	12.7	2.1
VND	-5.17	7.8%	957	23.3	1.7
FPT	-4.84	22.3%	4,815	20.2	4.3
MBB	-3.90	22.4%	4,290	4.7	1.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	396.41	N/A	N/A	N/A	N/A
HDB	202.74	20.7%	2,926	7.0	1.4
FUEVFNVD	193.24	N/A	N/A	N/A	N/A
HPG	153.43	1.9%	322	86.3	1.6
HAH	145.57	16.3%	4,525	8.5	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	-190.31	9.2%	2,662	23.7	2.0
VPB	-145.87	9.7%	1,476	13.1	1.1
EVF	-138.60	9.0%	957	17.9	1.4
SHB	-132.79	15.9%	2,036	5.6	0.8
HCM	-99.69	7.8%	1,176	21.0	1.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

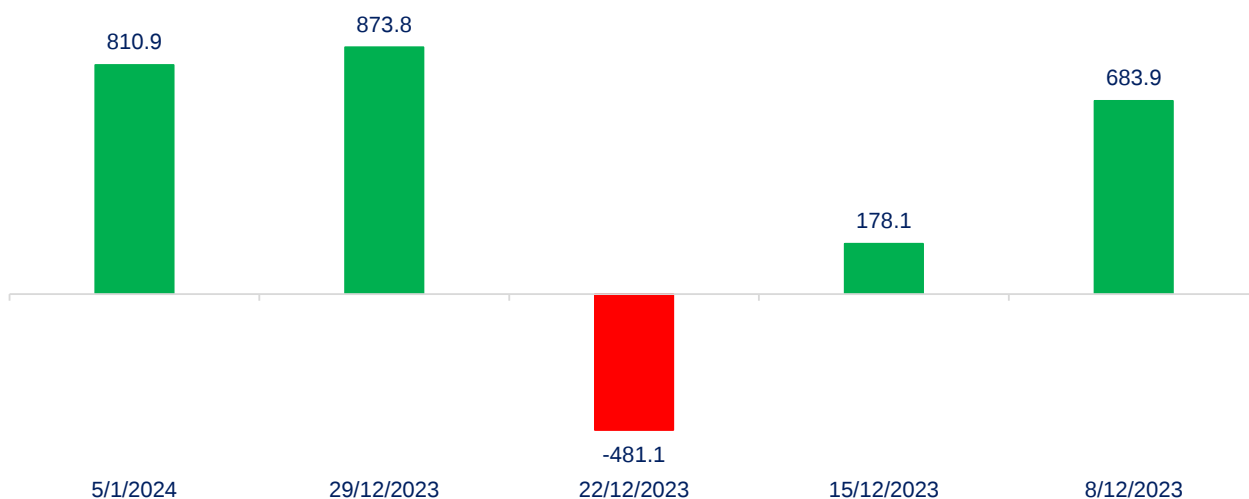
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	317.42	22.6%	6,013	14.3	3.0
VPB	132.47	9.7%	1,476	13.1	1.1
VHC	93.60	12.9%	5,647	11.3	1.4
ASM	41.75	3.0%	709	14.9	0.5
MSB	39.48	17.2%	2,471	5.4	0.9

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

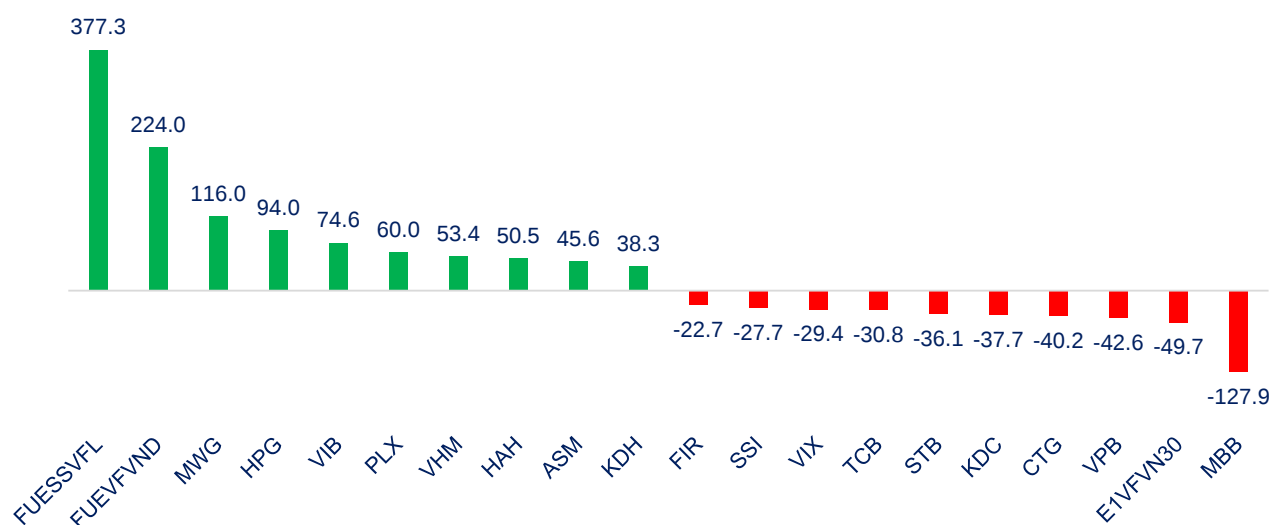
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	-395.78	N/A	N/A	N/A	N/A
VHM	-217.45	25.0%	9,468	4.6	1.0
FUEVFNVD	-183.51	N/A	N/A	N/A	N/A
VRE	-99.47	11.8%	1,818	12.9	1.4
SHB	-98.16	15.9%	2,036	5.6	0.8



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
6/12/2023	5/1/2024	15/12/2023	14/12/2023	THG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/12/2023	5/1/2024	22/12/2023	21/12/2023	BEL	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/12/2023	5/1/2024	8/1/2024	5/1/2024	SZC	Phát hành cổ phiếu
29/12/2023	5/1/2024	5/1/2024	5/1/2024	NEEM	Niêm yết mới
24/11/2023	7/1/2024	4/12/2023	1/12/2023	IDV	Đại hội Đồng Cổ đông
23/11/2023	8/1/2024	8/12/2023	7/12/2023	TOT	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
4/12/2023	8/1/2024	18/12/2023	15/12/2023	GLW	Đại hội Cổ đông Bất thường
14/12/2023	8/1/2024	26/12/2023	25/12/2023	S4A	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/12/2023	8/1/2024	5/1/2024	5/1/2024	KTW	Niêm yết mới
29/12/2023	8/1/2024	5/1/2024	5/1/2024	TTB	Tạm dừng Niêm yết
29/12/2023	8/1/2024	9/1/2024	8/1/2024	VBB	Phát hành cổ phiếu
8/12/2023	9/1/2024	19/12/2023	18/12/2023	HTC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/12/2023	9/1/2024	5/1/2024	4/1/2024	DM7	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
29/12/2023	9/1/2024	5/1/2024	5/1/2024	ASECOLAN	Niêm yết mới
29/12/2023	9/1/2024	5/1/2024	5/1/2024	TBW	Niêm yết mới
30/11/2023	10/1/2024	11/12/2023	8/12/2023	APS	Đại hội Cổ đông Bất thường
13/12/2023	10/1/2024	25/12/2023	22/12/2023	VDP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/12/2023	10/1/2024	15/12/2023	14/12/2023	DVC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/12/2023	10/1/2024	20/12/2023	19/12/2023	BTP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/12/2023	10/1/2024	29/12/2023	28/12/2023	TTD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/12/2023	10/1/2024	4/1/2024	3/1/2024	MEY	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
9/11/2023	11/1/2024	23/11/2023	22/11/2023	TIX	Đại hội Đồng Cổ đông
28/11/2023	11/1/2024	25/12/2023	22/12/2023	NTH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/2/2020	12/1/2024	5/1/2024	5/1/2024	MWG	Niêm yết thêm
16/11/2023	12/1/2024	29/12/2023	28/12/2023	DSN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
1/12/2023	12/1/2024	19/12/2023	18/12/2023	DVP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/12/2023	12/1/2024	21/12/2023	20/12/2023	SGC	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
11/12/2023	12/1/2024	29/12/2023	28/12/2023	PPH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/12/2023	12/1/2024	29/12/2023	28/12/2023	DRC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19/12/2023	12/1/2024	5/1/2024	5/1/2024	RGC	Tạm dừng Niêm yết



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn